

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **475** /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày **24** tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính,
bãi bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện,
UBND cấp xã tỉnh Ninh Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC ngày 11/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3177/QĐ-BNN-QLCL ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực Quản

lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện; UBND cấp xã tỉnh Ninh Bình (*Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Bãi bỏ 12 thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 24/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính chuẩn hóa; sửa đổi, bổ sung; thay thế, bị thay thế; bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc công bố công bố Danh mục và Nội dung thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình (*phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính Phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, VP11/

ĐN/KSTTHC2018

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Quang Thìn



Phụ lục I

MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; UBND CẤP HUYỆN; UBND CẤP XÃ TỈNH NINH BÌNH

Kèm theo Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Thủy lợi					
1	Thủ tục cấp lại giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
2	Thủ tục cấp lại giấy phép tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
3	Thủ tục phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018.
4	Thủ tục phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
6	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
7	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
8	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
9	Thủ tục cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lắp bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
11	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
12	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
14	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
15	Thủ tục cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
16	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.
17	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
II. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản					
1	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT	30.000 đồng/lần/người	- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công thương; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	18 (mười tám) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT	700.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư 286/2016/TT-BT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	18 (mười tám) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT	700.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 286/2016/TT-BT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.
4	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT	Không	- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 286/2016/TT-BT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính

II. Thủ tục hành chính cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Thủy lợi					
1	Thủ tục thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018.

III. Thủ tục hành chính cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Thủy lợi					
1	Thủ tục nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ.

Phụ lục II



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH NINH BÌNH

Ban hành kèm theo Quyết định số 475 /QĐ-UBND ngày 24 /9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

Tủ tục hành chính cấp tỉnh

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I. Lĩnh vực Thủy lợi				
1	BNN-NBI-288199	Thủ tục cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 24/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính chuẩn hóa; sửa đổi, bổ sung; thay thế, bị thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
2	NBI-282814	Thủ tục cấp giấy phép cho hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ các trường hợp sau: a) Các loại xe mô tô hai bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; b) Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; c) Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có trọng tải, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
3	BNN-NBI-288205	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 24/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính chuẩn hóa; sửa đổi, bổ sung; thay thế, bị thay thế; bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
4	BNN-NBI-288214	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động xây dựng kho, bến bãi, bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản, chôn phế thải, chất thải.		
5	NBI-282815	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng xả nhỏ hơn 1000m3/ngày đêm.		
6	BNN-NBI-288245	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng xả nhỏ hơn 1000m3/ngày đêm.		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
II. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm và thủy sản				
1	BNN-NBI-288020	Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm	Thủ tục này được ban hành tại Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục và nội dung thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình.
2	BNN-NBI-288021	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm		
3	BNN-NBI-288022	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)		
4	BNN-NBI-288023	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)		
5	BNN-NBI-288017	Thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu		
6	BNN-NBI-288018	Thủ tục xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm		